

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN HÀM THUẬN BẮC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 62/2024/ DS-ST.

Ngày: 05-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Nguyễn Thị Mi Mi

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Đặng Văn Minh

- Ông Nguyễn Thanh Sơn

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Kim Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/2023/TLST – DS ngày 15 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-DS ngày 19/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-DS ngày 13/5/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP H2;

Địa chỉ: E N, phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Tầng A, Tòa nhà TNR, số A -A N, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP H2:* Ông Nguyễn Hoàng L, Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP H2.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng L:* Ông Bùi Đức Q, Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Q1 – M1. Theo giấy ủy quyền số 3897/2020/UQQ-TGD12 ngày 20/7/2020.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức Q:*

1/ Ông Đàm Xuân H – Sinh năm 1994;

2/ Ông Võ Minh T – Sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà T, số A - A N, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy ủy quyền số 1666/2024/GUQ -TGD12 ngày 06/3/2024.

**Bị đơn:** 1/ Ông Lê Minh T1 – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bà Trần Thị Hồ Thị Trà M – Sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng TMCP H2 do ông Đàm Xuân H đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP H2 - Chi nhánh B ký kết đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay với ông Lê Minh T1 theo Hợp đồng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022, mục đích vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình số tiền vay 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng), đến ngày 09/9/2022 đã giải ngân hết số tiền vay trên cho ông T1, thời gian vay 60 tháng, lãi suất cho vay các kỳ đầu tiên 20,5%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Lãi cho vay các kỳ tiếp theo được điều chỉnh: Lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ, từng đối tượng, tương ứng thời điểm điều chỉnh lãi suất. Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên 09/12/2022. Phương thức trả nợ: nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần, ngày trả gốc lần đầu tiên là ngày 06/10/2022. Đối với khoản vay này, ông T1 chỉ trả được 01 tháng gốc là 6.666.667 đồng và lãi là 6.065.753 đồng. Hiện tính đến ngày 05/6/2024 còn nợ khoản vay trên tổng cộng 546.161.462 đồng (gồm gốc 393.333.000 đồng, lãi trong hạn 141.411.872 đồng, lãi quá hạn 11.416.256 đồng). Ngoài ra, Ngân hàng đã cấp cho ông Lê Minh T1 01 thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng, lãi suất 42%/năm, ông T1 đã rút toàn bộ số tiền trên vào ngày 22/9/2022. Khoản vay chuyển nợ quá hạn do khách hàng không thanh toán gốc lãi phải trả hàng tháng. Tính đến ngày 05/6/2024 tổng cộng 38.158.959 đồng (gồm gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.337.534 đồng, lãi quá hạn 3.821.425 đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, tuy nhiên ông T1, bà M không có thiện chí trả nợ. Nay, Ngân hàng TMCP H2 yêu cầu ông Lê Minh T1, bà Trần Thị Hồ Thị Trà M phải trả số tiền nợ vay tính đến ngày 05/6/2024 tổng cộng là 584.320.421

đồng, gồm nợ gốc là 413.333.333 đồng và nợ lãi là 155.749.406 đồng; Lãi quá hạn là 15.237.681 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2024 cho đến khi ông **Lê Minh T1**, bà **Trần Thị Hồ Thị Trà M** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022 và Thẻ tín dụng.

Bị đơn ông **Lê Minh T1**, bà **Trần Thị Hồ Thị Trà M** vắng mặt nên không có bản khai tại hồ sơ.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **H1**, ông **P** đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 203 và Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản nợ vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022 và thẻ tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại **thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn K, xã H)**. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, Bị đơn ông **Lê Minh T1**, bà **Trần Thị Hồ Thị Trà M** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022 giữa **Ngân hàng TMCP H2 - Chi nhánh B** với ông **Lê Minh T1**, cùng văn bản đồng thuận lập ngày 07/9/2022 giữa ông **Lê Minh T1** và vợ là bà **Trần Thị Hồ Thị Trà M** thì tại thời điểm ký kết hợp đồng **Ngân hàng TMCP H2 - Chi nhánh B** có đầy đủ tư cách pháp nhân, ông **Lê Minh T1** và vợ là bà **Trần Thị Hồ Thị Trà M** có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; các bên giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự

nguyên, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, các bên đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên. Vì vậy, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022 giữa Ngân hàng với ông **Lê Minh T1**, cùng văn bản đồng thuận lập ngày 07/9/2022 và các văn bản kèm theo giữa các bên được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm ký kết hợp đồng và thẻ tín dụng thì ông **T1** và bà **M** là vợ chồng với nhau nên bà **M** đã ký văn bản đồng thuận lập ngày 07/9/2022 chịu trách nhiệm trả nợ.

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022 giữa Ngân hàng với ông **Lê Minh T1** cùng văn bản đồng thuận lập ngày 07/9/2022 và các văn bản kèm theo thì Ngân hàng đã cho ông **Lê Minh T1** vay số tiền gốc là 400.000.000 đồng, (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng), thời gian vay 60 tháng, lãi suất cho vay các kỳ đầu tiên 20,5%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình.

Từ ngày vay cho đến nay ông **T1** trả được 01 tháng gốc là 6.666.667 đồng và lãi 6.065.753 đồng. Từ ngày 07/10/2022 ông **T1**, bà **M** không thực hiện trả tiền gốc và lãi như hợp đồng đã ký kết.

Ngoài ra, Ngân hàng đã cấp cho ông **Lê Minh T1** 01 thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng, lãi suất 42%/năm, ông **T1** đã rút toàn bộ số tiền trên vào ngày 22/9/2022. Khoản vay chuyển nợ quá hạn do khách hàng không thanh toán gốc lãi phải trả hàng tháng. Tính đến ngày 05/6/2024 tổng cộng 38.158.959 đồng (gồm gốc 20.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.337.534 đồng, lãi quá hạn 3.821.425 đồng).

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, tuy nhiên ông **T1**, bà **M** không có thiện chí trả nợ. Nay, **Ngân hàng TMCP H2** yêu cầu ông **Lê Minh T1**, bà **Trần Thị Hồ Thị Trà M** phải trả số tiền nợ vay của 02 khoản vay trên tính đến ngày 05/6/2024 tổng cộng là 584.320.421 đồng, gồm nợ gốc là 413.333.333 đồng và nợ lãi trong hạn là 155.749.406 đồng; lãi quá hạn là 15.237.681 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2024 cho đến khi ông **T1**, bà **M** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022 và Thẻ tín dụng.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng trên có hình thức và nội dung thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào nội dung đã được các bên thỏa thuận ký kết về thời hạn cho vay và thời hạn thanh toán nợ. Xét thấy ông **T1**, bà **M** là vợ chồng với nhau cùng ký văn bản đồng thuận lập ngày 07/9/2022 với nội dung cam kết trả nợ cùng nhau

nhưng không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết theo hợp đồng đã ký, vi phạm các điều kiện ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết, đã nhiều lần cho ông T1, bà M cơ hội để khắc phục, thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông T1, bà M cố tình vắng mặt, không thực hiện việc trả nợ. Do vậy, Ngân hàng TMCP H2 yêu cầu ông Lê Minh T1, bà Trần Thị Hồ Thị Trà M phải trả số tiền nợ vay của 02 khoản vay trên tính đến ngày 05/6/2024 tổng cộng là 584.320.421 đồng, gồm nợ gốc là 413.333.333 đồng, nợ lãi trong hạn 155.749.406 đồng; Lãi quá hạn là 15.237.681 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2024 cho đến khi ông T1, bà M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022 và Thẻ tín dụng là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Lê Minh T1 và bà Trần Thị Hồ Thị Trà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ngân hàng TMCP H2 - Chi nhánh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 203, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 288, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H2.

Buộc ông Lê Minh T1 và bà Trần Thị Hồ Thị Trà M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP H2 đến ngày 05/6/2024 tổng cộng là 584.320.421 đồng, gồm nợ gốc là 413.333.333 đồng, nợ lãi trong hạn 155.749.406 đồng; Lãi quá hạn là 15.237.681 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2024 cho đến khi ông Lê Minh T1, bà Trần Thị Hồ Thị Trà M thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 37/2022/HĐCV ngày 07/9/2022 và Thẻ tín dụng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày giải quyết sơ thẩm (ngày 06/6/2024) ông T1, bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.*

2/ Về án phí: Ông Lê Minh T1 và bà Trần Thị Hồ Thị Trà M phải có nghĩa vụ liên đới chịu 27.372.817 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn tám trăm mười bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP H2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H2 số tiền 11.769.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012766 ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/6/2024), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

